TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST Ngày: 20 – 6 - 2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Luy
2. Ông Nguyễn Huy Hà.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tráng Thị T, năm sinh 2001

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S1, xã S2, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Giàng Seo N, năm sinh 1999

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S1, xã S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2023; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tráng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tráng Thị T và anh Giàng Seo N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2017, không đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến ngày 10/12/2019 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường xuyên đánh chị T vô cớ. Bên cạnh đó anh N còn không chịu làm ăn, khi chị T nói thì anh N chửi và đuổi chị T về nhà bố mẹ đẻ. Vì vậy tháng 7/2021 chị T đã đi H làm và thỉnh thoảng về thăm con. Từ tháng 7/2021 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay

chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống của chị. Về việc anh N yêu cầu chị T phải trả cho anh N tổng số tiền sính lễ ăn hỏi và đám cưới của anh chị là: 37.490.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) cụ thể gồm tiền rượu, lợn thịt và tiền mặt thì anh N mới đồng ý ly hôn với chị thì chị xác nhận sính lễ ăn hỏi và đám cưới của anh chị bao gồm các khoản như anh N yêu cầu chị phải trả là đúng sự thật nhưng chị T không đồng ý trả cho anh N khoản tiền này vì đây là sính lễ ăn hỏi, đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đã được sử dụng hết và ăn hỏi, đám cưới đã được tổ chức xong, anh chị đã là vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì chị T hoàn toàn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị T và anh N có hai người con chung là cháu Giàng Thị Kim N, sinh ngày 13/12/2017 và cháu Giàng Thị Thu H, sinh ngày 12/02/2020. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như chị và anh N đã thỏa thuận về con chung khi ly hôn là giải quyết cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T đã giao nộp đầy đủ cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 08/02/2023; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Giàng Seo N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N xác nhận việc anh và chị T về chung sống với nhau, đăng ký kết hôn hoàn toàn đúng như chị T đã trình bày. Quá trình chung sống, đến ngày 22/6/2021 không biết vì lý do gì, chị T đã đưa 2 con trốn lên nhà ngoại, đến ngày 23/6/2021 chị T đã đưa cháu Ngân quay lại nhà anh N và chị T tiếp tục trốn lên nhà ngoại. Đến ngày 27/6/2021 thì mẹ vợ anh N đã đưa chị T quay lại nhà anh N ở được gần một tuần; sau đó, tự dưng chị T lại trốn lên nhà ngoại, không quay về nhà anh N nữa. Đến ngày 09/02/2022 anh N lại sang đón chị T về, ngày 12/02/2022 thì hai vợ chồng đi làm ở Hải Dương nhưng chưa làm được một ngày nào thì đến ngày 15/02/2022 chị T đã từ Hải Dương bỏ đi đâu không biết. Do chị T đã chặn hết liên lạc nên anh không liên lạc được với chị T, cho đến Tết nguyên đán năm 2023 thì chị T đã khởi kiện anh N ra Tòa án nhân dân huyện S; do anh N không được đánh đập chị T nên anh N không chấp nhận những lời lẽ mà chị T nói trên đơn khởi kiện. Thực tế anh N và chị T đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, không quan tâm tình cảm gì đến nhau nữa. Anh N không đồng ý ly hôn với chị T vì hai con chung còn nhỏ, nếu sau này ly hôn xong cả hai cùng xây dựng gia đình mới thì không ai chăm lo cho các con, anh N muốn con có đầy đủ cả bố và mẹ. Nếu chị T cương quyết ly hôn với anh thì chị T phải trả lại cho anh số tiền sính lễ ăn hỏi và đám cưới là 37.490.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) cụ thể gồm: Ăn hỏi: 01 con lợn 56kg x 70.000đ/kg= 3.920.000 đồng

(Ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn). Rượu 22 lít x 25.000 đồng/lít = 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng). Đám cưới: 01 con lợn 46kg x 70.000 đồng/kg = 3.220.000 đồng (Ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Rượu 72 lít x 25.000 đồng/lít = 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). 01 con lợn to 120kg x 70.000 đồng/kg = 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Tiền mặt: 19.600.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng) thì anh N mới đồng ý ly hôn với chị T.

Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh N và chị T có hai người con chung là cháu Giàng Thị Kim N, sinh ngày 13/12/2017 và cháu Giàng Thị Thu H, sinh ngày 12/02/2020. Nay anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi như anh chị đã thỏa thuận với nhau tại biên bản hòa giải.

Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Tráng Thị T được ly hôn với anh Giàng Seo N.

- Về con chung: Giao các cháu Giàng Thị Kim N, Giàng Thị Thu H cho anh Giàng Seo N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng đối với cháu H. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết; Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tráng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Giàng Seo N có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn S1, S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu trả lại tiền sính lễ ăn hỏi, đám cưới khi ly hôn

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tráng Thị T và anh Giàng Seo N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2017; không đăng ký kết hôn; có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến ngày 10/12/2019 anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được chị T, anh N và chính quyền địa phương xác nhận. Như vậy đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn anh N là có căn cứ. Anh N chỉ đồng ý ly hôn khi chị T trả lại cho anh N tiền sính lễ ăn hỏi và đám cưới là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Tráng Thị T ly hôn anh Giàng Seo N.

[2.2] Về yêu cầu trả lại tiền sính lễ ăn hỏi, đám cưới khi ly hôn: Chị T và anh N đều thừa nhận tiền sính lễ ăn hỏi và đám cưới của anh chị do anh N mang đến nhà chị T là 37.490.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) cụ thể bao gồm: 03 con lợn thịt 222kg x 70.000đ/kg= 15.540.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng); 94 lít rượu x 25.000 đồng/lít = 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) và Tiền mặt: 19.600.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Nay anh N yêu cầu chị T phải trả cho anh sính lễ ăn hỏi và đám cưới thì anh N mới đồng ý ly hôn với chị T. Chị T không đồng ý với yêu cầu của anh N. Xét thấy chị T và anh N đều xác nhận anh chị tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn; việc anh N đưa sính lễ gồm lợn thịt, rượu và tiền mặt đến nhà chị T để ăn hỏi, đám cưới của anh chị là tự nguyện, hai bên đã tổ chức cưới hỏi xong theo tập quán địa phương. Kết quả xác minh cho thấy, tại địa phương không có quy ước, hương ước hay tập quán nào quy định khi ly hôn thì người phụ nữ phải trả lại tiền sính lễ đã cưới hỏi cho nhà trai; chị T, anh N cũng không có thỏa thuận gì bằng văn bản về việc chị T phải trả lại tiền sính lễ cho anh N khi ly hôn. Theo quy định tại Điều 7 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Trong trường hợp pháp luật không*

quy định và các bên không có thỏa thuận thì tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 2 và không vi phạm điều cấm của Luật này được áp dụng". Như vậy việc thách cưới bằng hiện vật và bằng tiền không phải là tập quán tốt đẹp, pháp luật không thừa nhận việc này; vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, cùng xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nên anh N yêu cầu chị T trả lại tiền sính lễ ăn hỏi và đám cưới là không có căn cứ.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Tráng Thị T và anh Giàng Seo N có hai người con chung là cháu Giàng Thị Kim N, sinh ngày 13/12/2017 và cháu Giàng Thị Thu H, sinh ngày 12/02/2020. Từ khi anh chị sống ly thân thì các cháu ở cùng với anh N đến nay. Nay anh chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung theo thỏa thuận của anh chị tại biên bản hòa giải. Xét thấy thoả thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; anh N có mức thu nhập 1 tháng là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), tại địa phương mức nuôi cháu Ngân và cháu H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng/1 cháu. Vì vậy anh N có đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Ngân và cháu H cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Tráng Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng định kỳ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tráng Thị T và anh Giàng Seo N. Quan hệ hôn nhân của chị Tráng Thị T và anh Giàng Seo N được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Giàng Thị Kim N, sinh ngày 13/12/2017 và cháu Giàng Thị Thu H, sinh ngày 12/02/2020 cho anh Giàng Seo N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Tráng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu

Giàng Thị Thu H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Tráng Thị T phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ sơ thẩm. Tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006962 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị Tráng Thị T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND S2,
  huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Luy **Nguyễn Huy Hà** **Sầm Thị Tươi**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ức Trai **Đỗ Hải Châu** **Sầm Thị Tươi**